TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/DS-PT
Ngày: 19/01/2022
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

- Ông Lê Hồng Nước;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 375/2020/TLPT-DS, ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng nghị và kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 436/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: số 180, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ 29, khóm M, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/11/2020).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: tổ 6, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1982, địa chỉ: ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 31/01/2020).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thanh S1, sinh năm 1944;

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thanh S1: Anh Nguyễn Phước S2, sinh năm 1980, địa chỉ: ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 18/12/2020).

3.2. Chị Huỳnh Thị Thu T1, sinh năm 1988;

3.3. Anh Võ Minh D, sinh năm 1988;

3.4. Võ Huỳnh Ngọc T2, sinh năm 2009;

3.5. Võ Huỳnh Ngọc H sinh năm 2012;

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Huỳnh Thị Thu T1: Bà Võ Thị T1 là Luật sư của Văn phòng Luật sư Xuân Hương, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh S1 và chị Huỳnh Thị Thu T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

5. Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(bà M, anh Phước S2, chị T1 có mặt tại phiên tòa, anh Hữu S, anh D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T do bà Nguyễn Thị M đại diện trình bày:

Ngày 02/3/2018, chị T có mua đất của chị Nguyễn Thị Kiều L, diện tích 270,1m^2, thuộc thửa 2109, tờ bản đồ số 01 đất tọa tạc lại tổ 6, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Chị và chị L đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất xong, hiện nay chị đã được đứng tên quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, chị Huỳnh Thị Thu T1 thỏa thuận thuê đất với Nguyễn Thanh S1 là cha ruột của chị L, chị không hay biết. Chị có cho chị T1 hay để tháo dở nhà trả lại mặt bằng cho chị nhưng chị T1 không trả.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng đã chuyển nhượng và yêu cầu chị Nguyễn Thị Kiều L giao đất cho chị sử dụng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều L do anh Nguyễn Hữu S đại diện trình bày:

Vào năm 1999 chị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 2109, tờ bản đồ số 01, diện tích 270,1 m^2 (đất do cá nhân chị L nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn H). Năm 2008, chị L làm thủ tục chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Kiều T, hai bên đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, chị T đã

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2017 thì ông Nguyễn Văn S1 lén lút lấy phần đất của chị L, cho chị Huỳnh Thị Thu T1 thuê chị L không hay.

Nay chị Nguyễn Thị Kiều L yêu cầu hủy hợp đồng thuê đất ngày 01/01/2017 giữa ông Nguyễn Văn S1 và Huỳnh Thị Thu T1. Yêu cầu chị T1 giao đất để chị tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng với chị T.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Thu T1 trình bày: Vào ngày 01/01/2017, ông Nguyễn Thanh S1 là cha của chị L có ký hợp đồng cho thuê đất giấy tay với chị T1. Thời hạn thuê là 15 năm, giá thuê là 135.000.000 đồng (tiền thuê đất 135.000.000 đồng ông S đã nhận đủ). Việc cho thuê giữa hai bên có ý kiến bằng miệng của chị L thống nhất, chị L không ký tên vào tờ cho thuê đất. Sau đó, chị L về Đài Loan với chồng nên bán phần đất trên lại cho chị Trinh.

Nay chị T1 không đồng ý di dời tài sản giao đất mà tiếp tục thực hiện hết hợp đồng đến 2031.

Trường hợp Tòa án tuyên hợp đồng cho thuê đất vô hiệu thì yêu cầu xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu và yêu cầu hỗ trợ chi phí di dời theo quy định của pháp luật.

- Người liên quan ông Nguyễn Thanh S do anh Nguyễn Phước S2 đại diện trình bày: Vào năm 2017, ông S1 được sự đồng ý bằng điện thoại của chị L, nên ông S1 cho chị T1 thuê phần đất tranh chấp, thời hạn cho thuê là 15 năm, giá thuê là 135.000.000 đồng, ông S1 đã nhận đủ tiền, số tiền này ông S1 dung vào việc khám chữa bệnh. Việc ông S1 ký hợp đồng cho thuê là hoàn toàn hợp pháp vì có sự đồng ý của chị L, ông S1 không đồng ý theo yêu cầu của chị T.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kiều L và chị Nguyễn Thị Kiều T. Tuyên bố hợp đồng thuê đất giữa ông Nguyễn Thanh S1 và chị Huỳnh Thị Thu T1 vô hiệu.

+ Buộc hộ chị Huỳnh Thị Thu T1 và anh Võ Minh D tháo dỡ, di dời 02 căn nhà (không di dời phần nền gạch) để trả lại diện tích đất 275m^2 thuộc thửa 2109, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, thành phố C theo các mốc M1, M2, M3, M4 về M1 (theo bản đồ trích đo ngày 28/5/2019 của Trung tâm kỷ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp) cho chị Trần Thị Kiều L.

Gia đình chị Huỳnh Thị Thu T và anh Võ Minh D được lưu cư lại trong thời gian 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Buộc ông Nguyễn Thanh S1 trả lại cho chị Huỳnh Thị Thu T1 số tiền thuê đất đã nhận trước là 102.825.000đồng (một trăm lẻ hai triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn).

+ Buộc chị Nguyễn Thị Kiều L trả lại giá trị 02 nền nhà của chị Huỳnh Thị Thu T1 theo giá định giá 8.560.900 đồng.

* Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

+ Buộc chị Nguyễn Thị Kiều L tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng với chị Nguyễn Thị Kiều T và giao diện tích đất 275m^2 thuộc thửa 2109, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Đ, xã T, thành phố C theo các mốc M1, M2, M3, M4 về M1 (theo bản đồ trích đo ngày 28/5/2019 của Trung tâm kỷ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp) giao đất cho chị Nguyễn Thị Kiều T sử dụng.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc của Trung tâm kỷ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp ngày 28/5/2019; Biên bản xem xét thẩm định ngày 28/8/2019 và Biên bản định giá ngày 26/9/2019).

- Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu di dời nhà của nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều T.

2. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

Ông Nguyễn Thanh Sơn và chị Huỳnh Thị Thu T1 phải chịu mỗi người ½ chi phí thẩm định và định giá. Tổng chi phí gồm: Xem xét thẩm định tại chỗ 700.000 đồng; Chi phí đo đạc theo hợp đồng 2.480.000 đồng; chi phí định giá 600.000 đồng, tổng cộng: 3.780.000 đồng. Phía chị Nguyễn Thị Kiều T đã nộp tạm ứng và đã chi xong nên ông S1 và chị T1 mỗi người nộp lại số tiền 1.890.000 đồng để trả lại cho chị Kiều T.

3 Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Nguyễn Thị Kiều T không phải chịu án phí dân sự và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.000.000 đồng theo biên lai số 0005157 ngày 19/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

+ Chị Huỳnh Thị Thu T1 phải chịu: 300.000 đồng án phí di dời và 300.000 đồng án phí tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Tổng cộng chị T1 phải nộp 600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Nguyễn Thị Kiều L phải chịu 428.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm do phải trả giá trị tiền nền nhà, khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng theo biên lai số 0004759 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, chị L phải nộp tiếp 128.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Thanh S1 không phải chịu án phí dân sự do thuộc diện người cao tuổi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14 tháng 8 năm 2020, chị Huỳnh Thị Thu T1 và ông Huỳnh Thanh S1 kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 29/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C kháng nghị đối với bản án sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 29/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C do vi phạm tố tụng và nội dung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm, không thỏa thuận được với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc giải quyết nội dung vụ án.

- Bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu và lời trình bày trước đây.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh S1 giữ nguyên lời trình bày trước đây và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Thu T1 giữ nguyên lời trình bày trước đây và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Huỳnh Thị Thu T1: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy Tòa cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Tòa cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các đơn khởi kiện của chị T các ngày 30/7/218, ngày 20/9/2018 và ngày 16/10/2018 đều thể hiện chị T khởi kiện đối với chị T1 yêu cầu hủy tờ hợp đồng thuê đất giữa ông S1 và chị T1, yêu cầu chị T1, anh D trả lại đất, trả lại mặt bằng đã lấn chiếm, yêu cầu chị T1 bồi thường tổn thất do chiếm giữ mặt bằng từ ngày 20/3/2018 đến ngày 01/11/2018 là 48.000.000 đồng và tiếp tục tính 200.00đồng/ngày cho đến khi giải quyết xong vụ án. Cấp sơ thẩm thụ lý xác định chị T là nguyên đơn, chị T1 là bị đơn, chị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Thông báo thụ lý bổ sung do chị L có yêu cầu độc lập số 121/TB-TA ngày 09/6/2020, chị L yêu cầu hủy tờ mướn đất giữa ông S1 và chị T1, yêu cầu chị T1 tháo dỡ, di dời nhà trả nền nhà để chị tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng với chị T. Cấp sơ thẩm không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải trong khi các bên không ai có đơn yêu cầu không hòa giải là chưa phù hợp với quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử quyết định xét xử số 51/2020/QĐXXST-DS ngày 28/02/2020, Quyết định xét xử số 172/2020/QĐXXST-DS ngày 02/7/2020, các biên bản phiên tòa các ngày 24/3/2020, ngày 21/4/2020, ngày 14/5/2020, ngày 21/7/2020, ngày 29/7/2020 đều xác định chị T là nguyên đơn, chị T1 là bị đơn, chị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, Biên bản nghị án ngày 29/7/2020 và bản án sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 29/7/2020 lại xác định chị L là bị đơn, chị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, việc biên bản nghị án và bản án thay đổi địa vị tố tụng của chị L và chị T1 thông báo cho các đương sự biết và không ghi trong biên bản phiên tòa và bản án, sự thay đổi này không đúng quy định tại Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo các đơn khởi kiện của chị T các ngày 30/7/218, ngày 20/9/2018 và ngày 16/10/2018 đều thể hiện chị T khởi kiện đối với chị T1 yêu cầu hủy tờ hợp đồng thuê đất giữa ông S1 và chị T1, yêu cầu chị T1, anh D trả lại đất, trả lại mặt bằng đã lấn chiếm, yêu cầu chị T1 bồi thường tổn thất do chiếm giữ mặt bằng từ ngày 20/3/2018 đến ngày 01/11/2018 là 48.000.000 đồng và tiếp tục tính 200.00đồng/ngày cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, thông báo thụ lý vụ án số 913/TB-TLVA ngày 26/12/2018 Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng thuê quyền sử dụng đất là chưa phù hợp. Đúng ra quan hệ tranh chấp này là tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại. Thông báo thụ lý này chưa đầy đủ nội dung yêu cầu khởi kiện, không thụ lý đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại là chưa đúng điểm d khoản 2 Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc chị L có ở nước ngoài hay không để xác định thẩm quyền giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị Kiều L đăng ký tạm trú

tại tổ 07, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp từ ngày 24/12/2002 đến năm 2011 thì được cấp sổ hộ khẩu. Vì vậy, cấp sơ thẩm ban hành công văn hỏi Phòng xuất nhập cảnh và được phúc đáp bằng công văn số 314/XNC ngày 04/6/2020 là không có thông tin xuất nhập cảnh của chị L. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông S1 (cha chị L) trình bày chị L còn có tên khác là Nguyễn Minh T3 cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ chị L và chị T3 có phải là một người không.

[3.2] Đối với hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông S1 với chị T1 nhưng trong hợp đồng tên ông Nguyễn Văn H (bút lục 69), bản án sơ thẩm tuyên buộc ông S1 trả tiền cho chị T1 nhưng chưa làm rõ ông S1 và ông Hối có phải một người như ông S1 trình bày không mà buộc ông S1 trả lại tiền là chưa phù hợp với hợp đồng thuê đất. Việc này không đảm bảo cho việc thi hành án sau này.

Bản án sơ thẩm giải quyết tuyên hợp đồng thuê đất giữa ông S1 và chị T1 vô hiệu, nhưng không giải quyết dứt điểm hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu là không xem xét toàn diện nội dụng vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Việc giải quyết hậu quả này không thể tách thành một vụ kiện khác được.

[4] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T1 là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị hủy bản án sơ thẩm là có cơ sở như đã phân tích trên.

Từ những thiếu sót như vừa phân tích trên của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần thiết phải hủy án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung.

Do hủy Bản án sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 29/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C nên Hội đồng xét xử không xét kháng cáo của ông S1, chị T1. Ông S1, chị T1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Án phí sơ thẩm sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C.

3. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

Chị Huỳnh Thị Thu T1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, chị Huỳnh Thị Thu T1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng theo biên lai số 0007095 ngày 13/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Ông Nguyễn Thanh S1 không phải chịu án phí dân sư phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND TP. Cao Lãnh;
- CCTHADS TP. Cao Lãnh;
- Phòng GĐKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Mỹ